DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

QUYỂN 4

PHẨM: ĐỆ TỬ
(Phần 1)

Phẩm này kế sau phẩm Phương Tiện để phá vô vi duyên tập mà thành tựu giáo nghĩa cõi Phật thanh tịnh. Như trước đã nói ý nghĩa nó rất phong phú mà kẻ phàm phu khó suy lường. Nay tóm tắt có ba ý giải thích chung về phẩm này:

1. Nói duyên do có phẩm này.
2. Lược giải thích nghĩa "đệ tử".
3. Giải thích văn kinh.

I. NGUYÊN DO CÓ PHẨM NÀY:

Đức Phật từ bi muốn khiến chúng sinh được chánh báo giải thoát pháp thân chẳng thể nghĩ bàn và y báo cõi Phật thanh tịnh, nhưng chỉ hóa độ được những kẻ có duyên. Ngài Tịnh Danh ở cõi Nhẫn này cùng muôn vật từ lâu xa đã kết thắng nghiệp Bồ-đề, ngài đoán biết ý Phật nên trước giả bệnh để nói các pháp giúp thành tựu giáo nghĩa giải thoát Phật quốc. Nay lại ngã bệnh thầm nghĩ Đức Như Lai đại từ sẽ đoái hoài đến ta mà sai các đệ tử đến thăm hỏi. Các vị ấy sẽ từ chối vì xưa kia bị chê trách, tức được hiển bày điều Như Lai muốn nói. Nay nêu nguyên do có phẩm này tóm tắt có năm ý:

1. Nêu rõ thắng trí của ngài Tịnh Danh.
2. Khuyên bảo bốn chúng bỏ Tiểu thừa ưa thích Đại thừa.
3. Giúp thành giáo Phật quốc.
4. Chiết phục Nhị thừa thành giáo sinh tô.
5. Ấn định thành kinh.

Thắng trí của ngài Tịnh Danh: Nếu sai đệ tử ắt đệ tử sẽ thuật lại việc xưa kia để từ chối, đại chúng nghe được ắt sẽ đối với ngài Tịnh Danh sinh tưởng khó lường mà càng kính trọng. Nếu cai trong tâmphát

khởi tin sâu thì có khả năngnghe nói giáo Tịnh độ vì chưa vào thất.

Khuyên chúng bỏ Tiểu thừa ưa thích Đại thừa: Các vị chứng quả Thanh văn chưa hồi tâm như đất trên nguồn cao không sinh được hoa sen, người chưa vào ngôi vị dầu ưa thích Tiểu thừa, nhưng nghe việc bị chê trách xưa ắt phát tâm Đại thừa. Như khi nói Đại phẩm, những người chưa vào ngôi vị đã đem y đang mặc cúng dường Như Lai mà phát tâm lớn lao. Phật liền phóng quang thọ ký cho, đồng thời khai phát cho bốn chúng được đại đạo lợi ích vô lượng. Vì sao? Vì việc chê trách xưa có ít người nghe. Như việc quở trách ngài Ưu-ba-ly thì chỉ có hai vị Tỳ-kheo được tâm thanh tịnh; việc chê ngài A-na-luật chỉ có một vạn Phạm thiên phát tâm Bồ-đề... Nhưng ở tòa giảng này đại chúng được nghe cả nên ích lợi vô lượng, cho nên cần mỗi vị thuật lại việc xưa bị chê trách.

Giúp thành giáo Phật quốc: Muốn làm rõ việc chê trách hàng Nhị thừa thuở xưa đồng với ý chỉ Phật quốc hiện nay. Sao biết? Vì chúng sinh có tội nên không thấy được Tịnh độ. Như ngài Thân Tử kể lại việc ngài Tịnh Danh xưa đã quở ngài chấp Tiểu thừa khiến mọi người chê Tiểu mến Đại, do đó tội chấp Tiểu tạm trừ mà ngầm phát tâm mến Đại. Nay dự ở tòa này nhờ thần lực của Phật mà được nghe các lời kể này cả năm trăm vị đều như thế. Nhân đó được vào trong thất nghe pháp chẳng thể nghĩ bàn mà cõi Đăng vương Hương Tích không động hiện ra trước mắt.

Chiết phục Nhị thừa..., như lúc mới mở bày đốn giáo thì chỉ có hàng căn cơ cao. Hạng căn tánh thấp nhỏ do cấu nặng nên không được lợi ích cũng như chất sữa. Sau đó Tam hưng giáo hưng khởi, phương tiện mở bày ba thừa, hàng căn tánh thấp nhỏ nhân đoạn được kiến tư mà xa phàm thành Thánh, tức như chuyển chất sữa thành chất lạc. Kế nghe việc Đại sĩ chê trách thuở xưa, cho đến vào trong thất của bậc tiếng vang cả tam thiên, thì ắt phải bỏ Tiểu mà mến Đại. Tín tâm dần đổi chuyển thành sinh tô, nên kinh Pháp Hoa có nói: Từ đây về sau tâm tánh thể tướng ra vào Không khó khăn. Như đến Đại phẩm biến thành thục tô, vào Pháp hoa Niết-bàn liền thành đề hồ. Đó tức là thuật lại việc chê trách xưa mà thành nguyên do chuyển đến vị sinh tô.

Hỏi: Nếu năm trăm vị Thanh văn đều kể lại sáng ngời đức của ngài Tịnh Danh là nguyên do chuyển thành vị sinh tô để vào trong thất thì đây nhất định là thuộc phần Tựa chứ không thuộc phần Chánh thuyết?

Đáp: Nếu thành sinh tô thì há chỉ là vào trong thất, hoặc là trước đây nghe các kinh Phương đẳng như Ương-quật đã bị trách hoặc khi

trách thuở xưa hoặc nay nghe thuật lại, hoặc đến vào trong thất hoặc ở các thời nói Phương đẳng sau này, các lúc như thế đều là sinh tô, đâu được vào trong thất mới nhất định thành sinh tô, mà thuộc phần tựa? Nếu lấy việc khen ngợi nguyên do thành sanh tô để làm tựa thì nguyên do vào trong thất và trở về Am viên cũng là phần tựa.

Ấn định thành kinh: Thuở xưa ngài Tịnh Danh tùy vật mà ứng cơ, tùy chỗ quở trách mà dạy dỗ, nếu Phật không sai đệ tử thì đại chúng sao được cùng nghe. Ấy là Như Lai ấn định lợi ích cho bốn chúng ở các đời chánh, tượng, mạt.

Hỏi: Việc quở trách Thanh văn này đối với ba quán của bốn giáo mỗi giáo dùng bao nhiêu?

Đáp: Dùng đủ ba quán, một là chê trách tích không vào Giả quán, dùng ba giáo của Đại thừa mà trách Tam tạng giáo.

II. LƯỢC GIẢI NGHĨA ĐỆ TỬ, có chín ý:

1. Lược giải tên nghĩa đệ tử.
2. Giải thích mười đệ tử.
3. Đối chung mười tâm số.
4. Đối riêng với mười tâm số.
5. Nói trang nghiêm song thọ.
6. Nói sinh về cõi quả báo.
7. Nói cõi Phật thanh tịnh.
8. Xét theo quán tâm.
9. Khiển trách trước sau.

Lược giải tên đệ tử: Phàm thầy thì có công năng giúp dạy bảo. Người học thì có đức tiếp thu. Trò thì bỏ cha theo thầy, kính thầy như cha. Thầy khiêm nhường thương dạy trò như con em mình. Nên Khổng tử có nói: "Nhan Hồi coi ta như cha, ta xem Nhan Hồi như em." Nay nhóm Thân tử theo học với Phật là tình thầy trò nên gọi là đệ tử.

Hỏi: Phật là cha lành của chúng sinh, tất cả chúng sinh đều là con Phật. Nên kinh Pháp Hoa nói: "Tam giới này đều là ta có, chúng sinh trong đó đều là con ta", há lại theo phép tắc của Khổng tử ư?

Đáp: Kinh có hai nghĩa là hoặc nương lý mà đặt tên hoặc thuận phong tục mà kêu gọi. Như kinh Pháp Hoa nói: Khi ta làm Thái tử thì La-hầu-la là con lớn, nay ta đã thành Phật đạo thì học pháp mà làm pháp tử, đây là căn cứ theo lý. Thế gian và xuất thế gian đều là cha con. Nếu thuận theo phong tục thì như phụ tử. Việc truyền giáo thường thuận theo phong tục không tranh cãi, chỉ lòng không trái thật pháp, nên theo

nghĩa ngoài mà giải thích tên, không lỗi gì.

Hỏi: Nếu vậy thì người thế tục đều là đệ tử đâu riêng gì Thanh văn?

Đáp: Luận chung thì thật như thế, nhưng luận riêng thì không phải vậy. Người thế tục tuy đến học đạo nhưng vẫn theo phép thông tục kính thờ cha mẹ vua chúa, đâu thể sớm chiều hầu hạ thường được học hỏi nương nhờ. Bồ-tát thường lấy việc lợi vật làm hoài bão, có cơ liền đến không chuyên ở bên Phật. Còn hàng Thanh văn bỏ nhà làm quyến thuộc của Phật, do nghe sinh hiểu biết, học tập kế thừa mọi việc, về lễ, đệ tử đều đầy đủ sự lý . Lại nữa, trong kinh Thanh Văn nói về năm loại Phật tử, cả năm loại đều được quả mà không nói đến Bồ-tát, ấy là tên đệ tử dùng riêng cho Thanh văn. Như trong Đại thừa phần nhiều đều nói Bồ-tát là Phật tử. Nay vẫn theo gốc, căn cứ kinh Thanh Văn gọi là đệ tử được người đời phần nhiều tin dùng nên lấy đặt tên phẩm.

Giải thích mười vị Đệ tử: Các kinh nói mười vị đại đệ tử thứ lớp phần nhiều không giống nhau. Nay căn cứ theo kinh này cho rằng thứ lớp thường đồng với ý nghĩa ba căn của Pháp Hoa, chỉ có ngài Ca-chiên-diên đứng sau ngài Phú-lâu-na là khác. Nhưng Như Lai là đấng Pháp vương dẫn dắt ba cõi mới khai bày Tam tạng giáo ắt cần có người giúp sức. Mười vị Thanh văn đây đều có sở trường, mỗi vị giữ một pháp giúp Phật khai hóa. Như ngài Thân Tử có trí tuệ, ngài Mục-liên có thần thông, ngài Ca-diếp có khổ hạnh Đầu-đà, ngài Thiện Cát có Không hạnh vô tránh, ngài Phú-lâu-na có biện tài thuyết pháp, ngài Ca-chiên-diên có tài luận nghĩa qua lại, ngài A-na-luật có Thiên nhãn, ngài Ưu-ba-ly có trì luật, ngài La-hầu có mật hạnh, ngài A-nan có đa văn... đều gọi là bậc nhất.

Hỏi: Như đứng đầu mười sở trường này mà được gọi tên, nhưng việc ngài Thân Tử cầm giải áo, ngài Mục-liên dùng hết sức thần lực đến nổi cả tam thiên đều chấn động, nhưng không làm lay động được giải áo của ngài Thân Tử cầm, bèn đem việc ấy bạch Phật. Phật nói Phật nhập thiền, Thân Tử không biết tên thiền ấy, Thân Tử nhập định Mục Liên cũng không biết tên. Nếu Mục-liên có thần túc không lớn hơn Thân Tử thì tám vị kia chưa hẳn mỗi người có sở trường.

Đáp: Hoặc có sở trường riêng hoặc không, tại sao phải đặt cho người khác chưa hẳn nhất định phải có sở trường, ở mười đức này tự có sở trường riêng nên gọi là bậc nhất. Nhưng Phật là Pháp vương cũng đặt ra các pháp thần giống như đại thần với vua chúa. Tuy mỗi người đều có khả năng nhưng Bát tòa khanh đều có chỗ nắm giữ. Mười vị

đệ tử lớn của Phật tuy mỗi người đều gồm đủ các tài năng kia, nhưng riêng một người không thể chuyên hai việc, nên phân mười đức, mỗi đức thuộc một vị, để giúp Phật tuyên bày mười thứ giáo môn, khiến mọi người đều ngưỡng mộ, nên nói là bậc nhất, để tùy căn duyên của họ mà có chỗ quy tâm. Tuy mỗi người giúp tuyên bày nhưng rốt cuộc cùng về một đạo.

Tổng đối mười tâm số:

Tỳ-đàm có kệ rằng:

Tưởng dục cánh lạc, tuệ
Niệm tư và giải thoát
Tác ý nơi cảnh giới
Tam-ma-đề và thống.

Thứ này chung cả đại địa giúp tâm vương khởi tất cả số như mười quan đại thần cùng giúp một vua, nếu cùng làm việc phi pháp thì dân đều tạo ác, nếu cùng làm Chánh đạo thì dân đều làm lành. Tâm vương của chúng sinh cùng chung tâm số cũng thế. Do chung tâm này thông cả thiện ác, nên cùng tâm vương khởi vô lượng thiện ác. Lại vương là thầy, số là đệ tử giúp nhau lành dữ cũng thế. Nên văn kinh nói: "Chúng đệ tử trần lao tùy ý xoay chuyển." Phật là Pháp vương, đệ tử là đại thần cùng giáo hóa vương số, nếu chúng sinh tin nhận tu hành tuệ hạnh liền thành các thiện tâm số kiến đạo , tu tập hành hạnh liền thành các thiện tâm số tu đạo . Lại nữa, mười số tức là mười pháp môn có thể thông suốt vào Niết-bàn. Xưa lấy mười số làm chủng tử, từ đó tu tập cho đến thành đạo, như muốn ôm cả một cây ắt phải từ các ngọn nhỏ. Nay Pháp vương muốn dùng giáo Bán mãn dạy dỗ chúng sinh, trước phải tùy thuận chỗ ham thích. Nên ở đoạn văn sau nói: "Trước dùng móc ham thích lôi kéo, sau mới khiến vào Phật trí." Nay mười đệ tử mỗi vị hoằng hóa một pháp, Người do loại tụ mà hợp thành nhóm đoàn, tùy sự ham thích mà mỗi một pháp môn nhiếp làm quyến thuộc, tuy mỗi người nắm giữ một pháp, nhưng không phải là Không gồm đủ mười đức. Như mười tâm số tùy thuộc một tâm khởi lên thì các tâm số kia tùy thuận khởi theo, tuy một số mang một tên mà thật sự gồm cả mười.

Đối riêng: Tưởng tâm số đối với Phú-lâu-na, vì Tưởng tâm số của ngài riêng mạnh nên từ tưởng mà vào đạo. Thế nên trong số đệ tử Phật thuyết pháp ông là bậc nhất. Vì sao? Thành luận có nói: Thức được thật pháp, tưởng được giả danh, ngài dùng Tưởng tâm số rất rõ ràng nên luôn phân biệt danh tướng, có biện tài vô ngại là bậc nhất trong số người thuyết pháp. Khi có ai ưa thuyết pháp thì ngài đều giúp mãn

nguyện, bởi Phật quá tôn quý nên họ không dám hỏi thẳng. Những kẻ mới học tùy chỗ ưa thích ngài đều phục vụ đầy đủ, cho nên hai Tỳ-kheo không dám hỏi Phật. Do đó, mười vị đều dùng một pháp để vào đạo, trong hàng Thanh văn mỗi người ấy đều được gọi là bậc nhất. Đối văn mỗi mỗi đều tùy nghĩa tiện lợi dựa vào tưởng mà nói. Như nay người đời xem tam học, mỗi học đều có thủ lãnh. Cho nên nói Tỳ-ni, Tỳ-ni Cộng... chính là để phát khởi giáo Như Lai khô vinh nhập đạo.

Dục tâm số đối với ngài Đại Ca-diếp, vì ngài có Dục tâm số riêng mạnh, nhân đó mà vào đạo. Bởi tất cả thiện pháp lấy dục làm gốc. Ngài Ca-diếp dứt bỏ vinh hoa, chí vui niềm sơn cốc, đó là nhân tâm thiện dục bỏ ác dục ở đời. Người ham thích hạnh Đầu-đà xem ngài là thầy, ngài thu phục làm quyến thuộc, hiển bày pháp giáo Đầu-đà khô vinh mà vào đạo.

Cánh lạc tâm số đối với ngài Ca-chiên-diên, vì ngài riêng mạnh mẽ về tâm số này, dùng nó suy xét mà vào đạo, hỏi đáp qua lại không có trệ ngại vì tâm số này rất mạnh, các thứ khác thì như Ca-diếp.

Tuệ tâm số đối với ngài Thân Tử, ngài dùng tuệ tâm số này để nhập đạo, nên là đại tướng chuyển pháp luân, các thứ khác như ngài Ca-diếp.

Niệm tâm số đối với ngài Ba-ly, ngài dùng niệm tâm số mà trì luật vào đạo. Ngài tạo duyên nhớ giữ gọi là niệm, đối duyên nói lượng không hề quên mất, là hàng trì giới bậc cao tâm số này rất mạnh, các thứ khác như ngài Ca-diếp.

Tư tâm số đối với ngài La-hầu-la, ngài dùng tư số riêng lợi ích mật hạnh mà vào đạo, hành ấm là tư, tư tâm số để lợi ích cho tu các giới hạnh, công đức mật hạnh ẩn giấu, ngài là bậc nhất, các thứ khác như ngài Ca-diếp.

Giải thoát tâm số đối với ngài Thiện Cát, ngài dùng tâm số này riêng mạnh để vào đạo, nên nhập Vô tránh Tam-muội, nghiêm túc riêng mình giải thoát, không tranh giành với mọi người, các thứ khác thì giống như ngài Ca-diếp.

Tác ý tâm số đối với ngài Na-luật, vì ức số của ngài riêng mạnh, nhân ngài mù mắt, nên Phật khuyên ngài khởi số này mà tu Thiên nhãn vào đạo. Vì sao? Vì phàm người tu Thiên nhãn ắt phải trụ tâm duyên cảnh với ánh sáng mặt trời, mặt trăng thì mới phát được Thiên nhãn thông, các thứ khác như ngài Ca-diếp.

Tam-ma-đề tâm số đối với ngài Mục-liên, vì Định tâm số của ngài riêng mạnh nên tu thứ đó mà vào đạo vì sao? Vì phàm phu đều có

tâm số này. Người vô định thì đứng ở đất bằng cũng ngã nghiêng. Do chúng sinh không thường tu tập nên không được thâm định, các thứ khác đều như ngài Ca-diếp.

Thống tâm số đối với ngài A-nan, vì Thọ tâm số của ngài riêng mạnh nên ngài dùng nghe nhận vào đạo, vì sao? Vì Thọ số quyển bốn này gọi là thống, Tạp tâm luận gọi là thọ, nay nói chung là thọ. Thọ lấy ý nghĩa là lãnh nạp. Tâm số này rõ ràng lãnh nạp giữ gìn Phật pháp như bát đựng đầy nước, các thứ khác đều giống ngài Ca-diếp.

Nói về Song thọ. Trên nói tươi khô, lời ngắn ý sâu kín ấy là mười người đệ tử cùng giúp Như Lai để trang nghiêm bán, mãn, dẫn dắt chúng sinh thấy tánh. Trụ vào Đại Niết-bàn, tức là nghĩa nhập Niết-bàn ở khoảng rừng Song thọ. Dùng Tam tạng giáo vô thường để phá bốn điên đảo thường... , trang nghiêm bốn khô để tiếp dẫn chúng sinh. Trong mỗi mỗi số dùng bốn Tất-đàn mà nhiếp vật, tùy khéo léo mà giúp Phật Pháp vương thành tựu Bán giáo , lợi ích cho tất cả. Một người dùng bốn Tất-đàn, mười người thì có bốn mươi trang nghiêm, cho đến năm trăm thì liền có hai ngàn trang nghiêm, bốn khô.

Hỏi: Nếu mười người đối mười số, năm trăm người thì như thế nào?

Đáp: Pháp vương nói ra ắt có nguyên do, nay chưa thấy năm trăm, nên chỗ tuyên truyền không thể sắp xếp. Nay tìm xét nghĩa lý mà tạm giải thích: Một số có mười, mười số tức một trăm, đem đối năm căn có năm trăm số. Lại Đại kinh nói: Năm trăm vị, mỗi thứ thuyết và thân nhân đều là chữ Bán mà dùng bốn khô vào đạo.

Tiếp nói đối mười số pháp môn giúp Phật hoằng truyền mãn giáo bốn vinh . Vì chúng sinh không kham nổi nên dùng sức phương tiện lập ra Bán giáo bốn khô. Mười đệ tử ấy đều là pháp thân trong ẩn ngoài hiện. Như Lai đã thác sinh ở vương cung, đệ tử cũng tùy duyên mà xuất hiện. Như Lai ngồi dưới gốc cây giác ngộ, thì đệ tử đều thông minh sáng trí làm thầy ngoại đạo. Cho nên kinh Pháp Hoa có nói:

Từ xưa mang tà kiến
Làm các sư Phạm chí
Thế Tôn biết tâm ta
Dẹp tà, nói Niết-bàn.

Do đó khi làm thầy họ, thì điều phục họ dễ dàng. Khi Như Lai thành đạo thì tất cả đều đến quy y học tập bốn khô. Vua thầy đã hàng phục các thói tật của học trò, nên từ đó trở đi tâm tướng thể tín vào ra không khó khăn. Thế nên ngài Tịnh Danh chê trách các Nhị thừa khiến

họ ham đại mà bỏ tiểu. Cho nên thị hiện ở trên cái đe chưa đủ, mà chịu cái chày chê trách cùng vật khí chín muồi khiến thành đại sự, hiển bày phương tiện của Như Lai ngầm dạy chúng sinh đều thẹn tiểu mến đại, khai Phật tri kiến mà được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, vào pháp môn chữ Mãn. Đều do đệ tử dùng pháp môn mười số, giúp thành Phật sự. Nghĩa của năm vị ủy thác ở Pháp Hoa, không phải chánh ý ở đây nên không nói đủ. Lại Đại kinh nói: Trang nghiêm bốn vinh đáng lẽ phải nêu đủ mười người, nhưng chỉ lấy sáu thôi vì để đối phá lục sư hủy phá Song thọ.

Tất cả chúng sinh đều có Vương số là nghĩa gì? Tức là nghĩa ba thứ Phật tánh. Vương tức chánh nhân, tuệ tức liễu nhân, các số khác duyên với nhân Phật tánh rõ ràng, do phiền não số che lấp mà không được hiển phát. Thế nên Như Lai cùng mười đệ tử chày đe gỏ lên thành sinh thục tô, khiến nhập vào chữ Mãn, khai Phật tri kiến, hiển bày ba tánh Phật, vào bí mật tạng. Nay lấy đệ tử đối số Như Lai làm vua thành ích lợi Bán mãn, nghĩa nó rất rõ ràng, từ xưa đến nay không nói nghĩa này, đâu biết được ý sai đệ tử là giúp thành giáo giải thoát bất tư nghị.

Nói sinh về cõi quả báo. Mười đại đệ tử dùng mười môn này mà giúp trang nghiêm Song thọ. Nếu chúng sinh được hóa độ thành tựu được bốn khô, khi vào vô dư mà sinh vào cõi Hữu dư, thì đó là người ấy vì căn độn nên đối với Phật đạo phải lòng vòng. Nay đối ngài Tịnh Danh chuyển nhập vào bốn vinh, nếu đến Pháp hoa khai Phật tri kiến được Vô sinh nhẫn, bỏ báo thân này liền sinh vào Tịnh độ quả báo, làm quyến thuộc với Lô-xá-na. Chỉ nghe Viên giáo, tâm tâm vắng lặng, tự nhiên lưu nhập.

Nói cõi Phật thanh tịnh. Mười vị đại đệ tử này dùng mười pháp môn để trang nghiêm Song thọ, tức là thành tựu cõi Phật thanh tịnh chúng sinh, đến thời kinh Pháp Hoa được Phật thọ ký. Sau khi thành Phật, số người được giáo hóa ấy đều trụ ở mười thứ pháp môn mà tu nhân khô vinh, cõi Phật thanh tịnh. Khi thành Phật các chúng sinh như thế đều đến cõi nước. Đến đây thì giáo chỉ chê trách hàng Thanh văn, khen ngợi các Bồ-tát trụ ở cõi Phật thanh tịnh bất tư nghị. Hàng Nhị thừa mất hẳn vì căn hư hoại không kham nổi, thế nên ngài Ca-diếp danh chấn động khắp tam thiên. Nay lấy ý trong kinh Pháp Hoa mong thọ ký cho ngài Thân Tử... tức chỗ bọn các ông đang làm là đạo Bồ-tát". Lại nói việc ít dục chán sinh tử là tự tịnh cõi Phật. Theo lýmà suy thì ngài Tịnh Danh chê trách đều vì hàng Tiểu thừa lần lượt đều thành nhân Tịnh độ, lời thuật lại của các đệ tử giúp thành phẩm Phật Quốc, ý rất rõ

ràng, từ xưa đến nay có ai biết được.

Nói theo quán tâm. Nay xét lời giải trước cũng là quán tâm. Vì sao? Vương và số của người tu tức là thầy và trò. Chỉ vì chúng sinh ngày đêm sinh vô lượng các pháp chánh tà đều do vương số. Thế nên người tu cần làm khéo ý này. Nếu siêng năng tu tập, suy nghĩ phân biệt mà phát trí Bán mãn, tự hành hóa tha tức đồng với ngài Thân Tử trang nghiêm Song thọ. Như thế tất cả đều căn cứ theo tâm số và hành thành việc hóa vật. Hạnh hiển bày là do tâm. Nếu luôn quán kỹ, thật tâm tánh thì liền thấy Phật tánh trụ vào Đại Niết-bàn, tức đồng Như Lai trang nghiêm Song thọ. Nếu quán hành và tâm thấy rõ tâm ấy, thì vương tức Pháp vương, số tức đệ tử và trang nghiêm Song thọ, cũng như trước mắt. Quán tâm, nói có sâu cạn, há nói hết tâm.

Liệu giản về thăm bệnh trước sau:

Hỏi: Vì sao Như Lai không sai Bồ-tát đến thăm bệnh trước? Đáp:

Nếu Bồ-tát kể việc không thể thăm bệnh của mình thì hàng Thanh văn sẽ so sánh ngại khó mà mất đi năm trăm pháp môn. Còn sai Thanh văn trước, thì năm trăm pháp môn của Thanh văn sẽ được làm kinh. Sau đó sai Bồ-tát thì lập đủ pháp môn kể việc xưa.

Hỏi: Nếu lấy thấp kém làm đầu, thì trước hết phải sai A-nan?

Đáp:Ai cũng có phần riêng của mình nên sai ai trước cũng không lỗi.

III. GIẢI THÍCH VĂN: Từ "Nhĩ thời... trở xuống, có hai phần:

1. Tịnh Danh im lặng thầm nghĩ.
2. Như Lai sai hỏi bệnh.

- Phần một có hai:

a. Tự nghĩ mình nằm bệnh.

b. Nghĩ Phật có thương tưởng dạy bảo.

Tự nghĩ có bệnh: Ngài Tịnh Danh ở bậc Đẳng giác thì có bệnh gì? Nay tự nghĩ, tức muốn chính nhờ đây mà khởi giáo lợi sinh. Tự nghĩ tức là giải thoát tri kiến pháp thân trụ ở ba đức của bậc Đẳng giác . Nằm biểu thị cho đức Bát-nhã, bệnh là biểu thị cho đức giải thoát, giường là biểu thị cho đức pháp thân. Đây không dọc không ngang như chữ Y ở đời. Vì sao? Vì pháp thân tức là tâm tự tánh thanh tịnh ẩn kín gọi là Như Lai tạng, hiển sáng gọi là pháp thân, tức là chân tánh giải thoát. Nằm biểu thị cho Bát-nhã, như người nghỉ ngơi, tức nghĩ dứt các phiền não và các tạo tác. Trong Đại kinh có nói: "Ai ngủ yên an ổn, gọi đó là chư Phật, thường quán Không Tam-muội, thân tâm yên, không động." Nay

dùng Bát-nhã Quán không mà tu nhân khi đầy đủ rồi thì các hành nghỉ ngơi, lý bổn tịnh hiển bày, cho nên nói nằm là Bát-nhã, tức là thật tuệ giải thoát. Bệnh biểu thị cho giải thoát, Bát-nhã cùng với lý chân tánh hợp nhau, tức có đại từ vô duyên không bỏ chúng sinh. Lấy từ bi hun đúc thân nên thường phương tiện hiện có bệnh. Đại kinh nói: Điều phục chúng sinh gọi là giải thoát. Vì chúng sinh bệnh, nên Tịnh Danh cũng bệnh, khéo léo hòa quang nhưng không đồng trần, tức là phương tiện tịnh giải thoát.

Hỏi: Vì sao Tịnh Danh tự nghĩ nằm bệnh?

Đáp: Nằm đã là Pháp thân Bát-nhã, vì đại bi mà thị hiện đồng chúng sinh có bệnh duyên phược "bị duyên buộc", việc chưa bày ra còn ôm ấp mãi trong lòng không yên vui, nên mới tự nghĩ rằng: Thế Tôn đại bi há không thương tưởng đến mình.

Nghĩ Phật tưởng đến thăm bệnh: Mình nay đang tu nhân còn thương chúng sinh muốn cứu hết cái khổ ba thứ duyên tập mà tự thị hiện có bệnh. Như Lai ở quả địa Vô duyên đại bi luôn muốn cùng muôn vật vui Đại Niết-bàn còn hơn ta nữa, há lại không thương tưởng mình? Nếu sai người đến thăm hỏi, nhân tiện mình sẽ thuật việc có bệnh." Ý này nêu bày ra thì bệnh ba thứ duyên tập nhân quả của chúng sinh sẽ lành. Đoạn này nói chúng sinh hết bệnh thì Tịnh Danh hết bệnh, há không phải là đại từ của Như Lai trùm khắp ư?

Phật sai người thăm bệnh Từ "Phật biết..." trở xuống, có hai phần: Phần một Phật biết tâm niệm. Phần hai Chánh thức thăm hỏi.

Phần một, Phật biết ý ngài Tịnh Danh: Đức Phật dùng trí tịch chiếu đoán biết việc giả bệnh do Vô duyên đại bi, vì bệnh chúng sinh. Người trí biết nhau như rắn biết rắn.

Phần hai Phật sai bảo người thăm bệnh Từ câu "bảo Xá-lợi-phất... hai hàng lại chia hai phần: Sai bảo mười đệ tử và sai bảo năm trăm vị.

Phật sai bảo mười đệ tử, trong mỗi phần của mỗi đệ tử gồm có hai ý: Phật sai bảo và đệ tử trả lời.

Một là: Phật sai Thân Tử.

Phật sai: Thân Tử là thị giả hầu bên tả Phật, vì trong chúng Thanh văn ngài là bậc danh cao đức trọng trong ngoài đều kính quý. Ngài Tịnh Danh tuy ở tại gia nhưng tinh thông Phật pháp, trí sáng biện tài khó bề ứng đối, nên sai Xá-lợi-phất trước. Nhưng Thân Tử nhân duyên khá nhiều khó nói đủ, nay chỉ lược nói thôi: Khi thác thai đã thông minh hơn người, muốn hóa độ tất cả ngoại đạo thông minh làm đệ tử trước. Sau gặp Phật xuất gia làm A-la-hán, dẫn tất cả ngoại đạo thông minh

đều làm đệ tử Phật là hiển bày giáo bốn khô. Nay bị quở trách nín thinh không đáp được, là muốn chiết phục tâm thô bỉ hẹp hòi của đám học trò bốn khô, khiến họ ngưỡng mộ giáo trí tuệ bốn vinh. Đến nói Ma-ha Bát-nhã trước, và đối với Thân Tử mà nói, là khiến hàng Thanh văn tin hiểu trí bốn vinh chữ Mãn. Đến nói kinh Pháp Hoa là đối trước ngài Thân Tử khai Phật tri kiến thì tám bộ bốn chúng đều khai Phật tri kiến, vui mừng khen ngợi nói kệ rằng:

Đại trí Xá-lợi-phất.
Nay được Phật thọ ký
Chúng ta cũng như thế
Thảy đều sẽ làm Phật.

Ấy là tất cả đều biết rõ về bốn vinh. Nên trong Đại kinh, Bồ-tát Sư Tử Hống hỏi Phật: "Người nào có thể trang nghiêm Ta-la song thọ?"Phật đáp: "Người ấy là Đại trí Xá-lợi-phất." Có người nói Pháp Hoa là giáo vô thường, Thân Tử khi Phật chưa nhập Niết-bàn ba tháng mà đã diệt độ rồi, thì không nghe được giáo Niết-bàn song thọ. Làm sao được khen là "Có thể trang nghiêm song thọ"? Phải biết Pháp Hoa là trao lời thọ ký cho tám bộ và bốn chúng, tức nghĩa song thọ đã sáng tỏ, đây là hiểu sâu về ý của Pháp Hoa mà thôi. Do nhân duyên đó Phật sai ngài đến thăm bệnh.

- Thân Tử đáp lời không kham Từ "Xá-lợi-phất..." hai hàng. Văn có bốn:

1. Đáp lời không kham.
2. Nêu lý do không kham.
3. Chánh kể việc không kham.
4. Kết không kham.

* Đáp lời không kham: Xưa bị chê trách không biết nói gì nên không kham đến thăm bệnh.

* Nói lý do không kham Từ "Sở dĩ giả hà thọ hạ trở xuống: Do ngồi yên tọa dưới gốc cây trong rừng. Yên, có người nói là súc chỉ "co lại ngăn dứt", như rùa dấu cả đầu đuôi bốn chân, tức co giữ sáu thức sáu trần, ma không thể quấy não, nên nói là súc chỉ. Nay nói yên là an, tức an trụ vào căn bản tịnh thiền cho đến diệt định... dứt hết các phiền lụy ngoại đạo, giống như Niết-bàn, đặt pháp trong tâm, thân chứng tưởng thọ diệt, nên nói là yên tọa.

* Chánh kể việc không kham "Thời Duy-ma"trở xuống Văn này có ba: Một là Quở chung. Hai là Riêng bày thật yên tọa. Ba là Kết, ấn định.

Một. Chê chung: Không hẳn chỉ ngồi mới là yên tọa. Đây là là hoàn toàn muốn chê việc ở nơi hẻo lánh đó không phải là cứu cánh thôi. Thân Tử yên tọa như thế nào mà bị chê trách. Xem văn sau. Phần lớn là các thiền diệt tận định thuộc chữ Bán của Tam tạng giáo nên không thể đến được yên tọa của chữ Mãn. Nhập vào các thiền diệt tận định có sáu lỗi nên chê trách. Nói không hẳn tức chỉ là Không hiểu, nếu bất tư nghị tức là hẳn nhiên.

Tỳ-đàm nói: Diệt tận bất tương ưng hành. Bổ xứ có mười ba thứ nhập diệt định. Thành luận nói: "Không tâm hai xứ diệt." Nay nói ba thừa nhập diệt thọ tưởng của Tam tạng giáo, có năm xứ không giống:

a/ Căn bản thông minh tịnh thiền.

b/ Y vào tám bối xả quán thiền.

c/ Y vào chín thứ đệ định luyện thiền.

d/ Y vào Sư tử phấn tấn huân thiền.

e/ Y vào siêu việt tu thiền.

Thứ đầu rút từ Đại tập, bốn thứ sau rút từ Đại phẩm. Đây là của ngài Nam Nhạc nêu lên.

a/ Y vào căn bản tịnh thiền, thông minh quán sát mà được. Đầu tiên là thiền quán sắc như bọt nước; hai là, thiền quán sắc như mây; ba là, thiền như bóng; bốn là, thiền như ảnh trong gương. Kế đến diệt sắc lấy không, một tâm duyên với không cho đến phi tưởng. Tuy không có thô phiền não mà thành tựu được mười thứ tế pháp, cũng là phiền não sinh tử. Đệ tử Phật biết đó không phải là Thánh pháp, liền có thể diệt đi, cũng diệt tâm năng diệt, tâm số pháp đã diệt nên nói là diệt thọ tưởng định.

b/ Nói về bối xả: Quán thân trong ngoài bất tịnh, xương trắng theo dòng sáng nhập vào bối xả; hai, thắng xứ diệt hoặc Sơ thiền mà vào Nhị thiền; ba là, bốn Thắng xứ diệt hoặc Nhị thiền. Từ đây trở đi không có sắc bụi nước, mây, ảnh trong gương... nữa, chỉ quán tịnh sắc mà vào Tam thiền. Duyên với tịnh nên nói là tịnh. Luyện tám sắc lưu quang để diệt hoặc Tam thiền mà thành Tứ thiền; bốn là thắng xứ vào tất cả xứ. Nếu diệt sắc duyên với không, cho đến Phi tưởng. Cũng nên biết Phi tưởng còn bốn ấm và mười thứ tế hoặc, quán sâu lìa chấp trước, tiến tu diệt thọ tưởng. Nếu hay diệt thọ các tâm pháp số, thân chứng diệt thọ tưởng, tức là diệt thọ tưởng bối xả, ở nhân nên gọi là bối xả. Nếu phát vô lậu dứt hết Phi tưởng hoặc, lúc đó bối xả chuyển gọi là giải thoát. Nếu trong nhân nói quả thì gọi là giải thoát. Nếu trong quả nói nhân thì gọi là bối xả, mà nay chẳng gọi là giải thoát là vì bậc A-na hàm y vào

tám bối xả mà được vào chín thứ đệ định cũng không được gọi là giải thoát. Nếu là giải thoát thì phải là La-hán, sao được còn là thân chứng Na-hàm. Ước bối xả mà nhập là thắng thông minh của Tiểu thừa.

c/ Y vào chín thứ đệ định. Các bối xả trước tuy nhập vào diệt định tác ý có lúc chẳng phải là nhậm vận "tự động". Nay luyện bối xả bắt đầu từ Sơ thiền thứ đệ mà vào cho đến Phi tưởng, nhậm vận vào diệt định thì rất dễ, chỉ khi xuất thiền thì như ngủ mới thức.

d/ Y vào Sư tử phấn tấn, trước đây nương vào luyện thiền, chỉ theo thứ lớp mà vào. Nay nói không phải chỉ thứ lớp vào đến diệt định. Cứ thế không gián đoạn, từ diệt định khởi thứ đệ xuất Phi tưởng cho đến Sơ thiền, định lực càng mạnh.

e/ Y vào siêu việt. Trên tuy vào ra tự tại không gián đoạn, nhưng chưa thể siêu nhập siêu xuất. Nay siêu thiền này có thể từ bất dụng xứ mà siêu nhập vào diệt định, cho đến sơ thiền siêu nhập vào diệt định đầy đủ như trong Đại phẩm. Đây như sư tử vàng siêu việt, đó gọi là khéo nhập xuất trụ, sinh ra trăm ngàn Tam-muội. Công lực của định này rất lớn. Nay ước vào năm thứ này mà nói năm vị thì thiền tịnh như sữa, bối xả như lạc, chín định Như sinh tô, phấn tấn như thục tô, siêu việt như đề hồ. Siêu việt thiền có đủ các công đức như nguyện trí, Vô tránh Tam-muội, bốn biện tài, ba minh, sáu thông, mười tám thứ biến hóa... trong các thiền nó là tột đỉnh, cho đến ở trong các thiền siêu việt xuất nhập đều gọi là đỉnh cả.

Hỏi: Vì sao trên căn bản tịnh thiền lại có bốn thứ khác?

Đáp: Như cách thuộc da ở đời. Thông minh như ngâm nước, bối xả như cạo lông, cửu định như vào óc, phấn tấn như xông khói, siêu việt như thuộc da cho mềm. Đây cùng các nhà giải thích về tập luyện không có liệu giản giống nhau.... La-hán nếu được thiền siêu việt thì gọi là Ma-ha Na-già. Tâm được điều phục nhu nhuyến, việc thiền định của tam thừa đến đây là tột. Ngài Thân Tử ở trong rừng đã nhập các thiền này mà dứt được các phiền lụy, vì không nương vào Phật tuệ mà khởi các thiền này, nên bị quở là bất tất. Ấy bởi vì sao? Vì Thân Tử đã được định không phải là định quật của chín thứ đại thiền không hẳn, không cần thâm thiền của Mãn tự nên nói là bất tất.

- Chỉ riêng về thật yên tọa, Từ "Phàm yên tọa"trở xuống: Sáu thứ yên tọa bất tư nghị gồm ba cặp:

a. Xét về thể dụng.

b. Xét về tâm pháp.

c. Xét về nhân quả.

Trong phần Thể-Dụng, có hai:

a) Xét về thể nói rằng: Không ở ba cõi mà hiện thân ý gọi là yên tọa. Ngài Thân Tử không hướng đến Phật tuệ mà nhập các thiền trên ắt phải ở chỗ vắng mà thẳng thân nhất niệm mới được vào định thì là tướng ở cõi Dục hiện thân ý. Thân như gỗ đá tức là hiện thân, tâm như tro lạnh theo hơi thở ra vào tức là hiện ý. Vả lại khiến mọi người cung kính kinh sợ thì có diệt được gì. Còn yên tọa chân thật là hướng về Phật tuệ ở chín đại thiền và định của Nhị thừa tùy ý liền nhập thì gọi là Không ở ba cõi mà hiện thân ý. Nên ở đoạn văn sau có nói: Ở cõi Dục mà hành thiền khiến tâm ma hoảng loạn, không cần phải ngồi nghiêm, không vận tưởng là Không hiện thân ý, thân ý đồng với thế tục không trái diệt định, tuy nhập diệt định mà không làm hại đến oai nghi, tức là Không có lỗi xuất nhập động niệm, cũng tránh được lỗi ba cõi hiện tướng, tức là yên tọa chân thật, là yên tọa chân thật bất tư nghị. Lại nữa, pháp thân Bồ-tát ở thân pháp tánh mà nhập vào các thiền định, không ở ba cõi mà hiện thân ý, là yên tọa chân thật. Nếu theo lý mà luận thì chúng sinh đều là diệt định mà Thân Tử không biết. Nếu ở sự mà nói thì trong thân pháp tánh quyết định không có thân ở ba cõi nhập vào. Thân Tử còn thấy ý ba cõi đâu thể được gọi là yên tọa chân thật nên phải làm thinh là chê không biết cái thể của yên tọa chân thật nên bày ra như thế. Nếu tu một tâm ba quán là hướng đến về Phật tuệ khởi sáu thứ yên tọa vậy.

b) Chỉ về dụng bất tư nghị Từ "Không khởi"... đến "yên tọa". Chê diệt định là vô dụng, vì Thanh văn nhập định không thể hiện ra bốn oai nghi như Ca-diếp nhập định không có chỗ dùng. Đến khi ngài Di-lặc ra đời mới biến hiện được. Cho nên biết hàng Nhị thừa nhập định thì mình và người đều vô ích không có chỗ dùng, do đó nói không thể có. Còn định bất tư nghị có thể có dụng. Cho nên thường chẳng khởi diệt định mà hiện mười giới oai nghi. Như đàn Tu-la tùy người ca ngâm. Bồ-tát tùy cơ khắp mười phương hiện hình mà ẩn hiện tự tại. Sao ông không dùng thệ nguyện để huân tập định khiến cho vật cơ cảm hiện các oai nghi, thật là do không thấy chân tánh và không nguyện Ba-la-mật vậy. Định vô dụng thì người không tôn trọng nên chê trách nói là bất tất. Lại nữa, thân pháp tánh dùng hướng đến Phật tuệ nhập vào các diệt định hay ở ba cõi mà hiện bốn oai nghi ở mười giới, tất cả các pháp Không thứ nào chẳng thị hiện, ấy là rốt ráo yên tọa chân thật.

- Xét về cặp tâm pháp. Từ "Bất xả"trở xuống là chê sự vụng về của pháp, tâm, nên nói "Bất tất". Cũng có hai phần:

Xét về pháp mà chê. Thân Tử thật xuất thiền mới đồng là phàm phu. Nếu không xả các thiền sao được hẹn lúc xuất định, tức là xả đạo pháp mới đồng với phàm pháp, nên biết hai pháp này không được cùng xả. Đâu như Bồ-tát dùng hướng đến Phật tuệ, hai pháp Không khác, há bỏ đạo pháp lại nhập vào đạo pháp, hành phi đạo mà thấu suốt Phật đạo. Nếu không thấu suốt sao bảo là đạo. Bốn giáo mỗi thứ đều có hai hạnh đạo pháp. Hiện việc phàm phu, nghĩa là việc của ba nghiệp thiện và bất thiện. Như nói tuy là bạch y cư sĩ nhưng ngài Tịnh Danh vẫn đủ hai mươi chín việc và vô lượng phương tiện. Pháp thân thường ở trong Tam-muội mà thường khắp đồng phàm phu, tức là ở trong thân phàm phu mà nhập vào Vương Tam-muội, tất cả Tam-muội cũng đều vào trong ấy. Lấy đó mà dẫn mọi người nhập vào Phật Tịnh độ giải thoát bất tư nghị, tức yên tọa chân thật rốt ráo. Do đây mà chê sự vụng về của đạo và pháp nên nói là "Bất tất".

Xét về tâm mà chê trách Từ "tâm bất".... đến "yên tọa". Nói "Không trụ"tức ngài Thân Tử nhập định trụ bên trong, khi xuất định ra ngoài, duyên với lý thiền ở bên trong, duyên với tịnh thiền ở ngoại đạo. Nhập diệt định trụ bên trong xuất diệt định ở ngoại đạo, ấy là tâm nương vào trong ngoài, nhập xuất, động tán, sao gọi là yên vắng, thế nên trách là "bất tất." Bồ-tát dùng hướng đến Phật tuệ quán pháp tánh Trung đạo còn không thấy có sinh tử Niết-bàn trong ngoài đáng trụ đáng ở, sao lại có diệt định xuất tán trong ngoài đáng trụ đáng ở. Còn có phấn tan ở hai biên, không phải là yên tọa chân thật, nên nói là "bất tất." Nay Bồ-tát tâm ngầm ở pháp tánh không loạn không mê tức là yên tọa chân thật bất tư nghị.

Một đôi căn cứ nhân quả, từ "Ư chư kiến trở xuống, đó là chỉ rõ cái yên tọa chân thật mà chê cái không phải chân. Trước hết, nói về cái thấy không động là chê cái nhân thiên lệch không phải là yên tọa chân thật. Cái thấy không động tức trong nhân mà yên tọa chân thật. Nay nêu bốn trường hợp để phân biệt:

1. Tự có thấy động mà không tu đạo phẩm.
2. Có không động mà không tu.
3. Có động mà tu.
4. Có không động mà tu.

Có động mà không tu: như các ngoại đạo, bỏ hữu lấy vô, cho đến "chẳng phải có, chẳng phải Không", sáu mươi hai kiến như lánh hư không, tuy bỏ các kiến muốn lấy Niết-bàn mà không biết tu ba mươi bảy phẩm. Nên Phật ở trong kinh Tu-bạt đã làm Sư Tử Hống cho rằng

ai không tu tám Chánh đạo quyết định không có bốn quả Sa-môn.

Không động không tu: ngoại đạo khởi kiến nói là sự thật, còn các người khác đều cho là nói dối chấp chặt không dời như chấp hư không cũng không tu đạo phẩm.

Động mà tu, như hàng Nhị thừa của Tam tạng giáo, biết thân biên là nhơ nhớp, điên đảo, nhân duyên, vô thường, lưu động. Động đây là lưu động nên gọi là động.

Tu đạo phẩm, là quán phá thân biên năm ấm, tu bốn khô niệm xứ... thành tựu noãn đảnh nhẫn, nhập vào kiến tư vô lậu. Nên trong Đại kinh có nói: Noãn pháp quán là bảy mươi ba người đệ tử của ta có, còn ngoại đạo thì không. Thân Tử và các Nhị thừa đều như thế nên quở là "bất tất".

Không động mà tu; như hàng Bồ-tát hiểu rõ sáu mươi hai kiến tức là Bồ-đề, không lấy không bỏ, nên nói không động. Tu đạo phẩm, như quán ấm ô uế, tu niệm xứ... Khi quán sắc tánh không dơ không sạch, thọ không phải khổ lạc, tâm không phải thường hay vô thường, tưởng hành không phải ngã hay vô ngã. Đây là quán riêng tứ niệm xứ. Nên kinh Nhân Vương có nói: Pháp tánh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức Bồ-tát dùng thú Phật tuệ mà quán sắc pháp tánh tức sạch rốt ráo, quán thọ pháp tánh tức lạc Niết-bàn, quán tâm pháp tánh tức pháp thân, quán tưởng hành pháp tánh tức tự tại ngã, tức lấy bất động mà tu vinh niệm xứ. Ở trong cần sách là tứ chánh cần cho đến trong hành trong an ổn đạo tức tám Chánh đạo, tức là yên tọa chân thật rốt ráo bất tư nghị. Đây là chê trách ở các kiến động mà tu đạo phẩm là yên tọa vụng về vậy.

b) Xét về quả mà nói yên tọa chân thật Từ "bất đoạn"đến "yên tọa", là chê Thân Tử chấp quả diệt định là thiên lệch. Thân Tử đầu tiên gặp Át-bệ được kiến đế rồi thì bảy ngày hoặc mười lăm ngày các chánh sử đều dứt hết, gọi là đoạn phiền não nhập vào Hữu dư Niết-bàn, khi thân trí đều dứt thì vào Vô dư Niết-bàn. Đây cũng có bốn trường hợp:

1. Không đoạn không nhập, là phàm phu và Bồ-tát của Tam tạng giáo.

2. Đoạn mà nhập là bậc Vô học.

3. Đoạn mà không nhập, tức là Bồ-tát của Thông, Biệt giáo.

4. Không đoạn mà nhập, là Bồ-tát của Viên giáo.

Cho nên tánh dâm, nộ, si tức là giải thoát. Tánh sân khuể si đủ tất cả pháp tức là phiền não không thể đoạn vậy. Ấy là Không diệt si ái mà khởi minh thoát "sáng suốt giải thoát". Nếu ngài Thân Tử đoạn hoặc mà nhập Niết-bàn, thì như phá vách mà ra. Sợ hãi sinh tử không

luôn dùng phiền não mà làm Phật sự. Bồ-tát dùng thú Phật tuệ không đoạn mà nhập. Như được thông suốt, tức là vách không thể ngăn ngại, ấy là trở lại dùng phiền não mà làm Phật sự. Đó gọi là Không đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn. Người khác hiểu phiền não là Không, nên không cần đoạn. Nếu như thế thì núi Tu-di nhập vào hạt cải, mà không có hạt cải để nhập vào. Hạt cải rỗng không, tức là núi Tu-di vào Không mà không vào hạt cải. Có lỗi như thế. Nếu rõ ràng phiền não không cần phá mà bất động được vào Niết-bàn, tức là tánh hạt cải không phải lớn, không phải nhỏ, nhỏ không hại lớn, nên có thể chứa được cái lớn của núi Tu-di. Tánh núi Tu-di cũng không lớn không nhỏ, lớn mà không hại nhỏ, nên chui vào được cái nhỏ của hạt cải. Tuy nói rằng hay vào cái chỗ xưa không động. Nếu nói không vào mà thật vào hạt cải không thể nghĩ bàn thì là Không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn. Nếu hay như thế thì là yên tọa chân thật. Đây là chê Thân Tử còn đoạn nhập, không phải là yên tọa chân thật, nên nói là "bất tất".

Nếu hay như thế mà yên tọa, Phật ấn khả là ba, kết thành nghĩa yên tọa chân thật: Nếu Thân Tử luôn dùng hướng đến sáu thứ Phật tuệ này tức là yên tọa rốt ráo, được Phật ấn khả đâu dám chê trách nói là bất tất.

Kết thành không kham Từ "Thời ngã"trở xuống: Nghe lời nói ấy thì làm thinh, là Không hiểu sáu nghĩa chê trách để chỉ rõ ý bất tất. Không hiểu thì như điếc, không thể đáp lại thì như câm, đã như thế thì đâu dám kham nhận truyền ý chỉ của Phật, nên nói: Không nhận việc đến thăm bệnh. Nếu theo cách này thì cùng việc như câm như điếc ở tòa Hoa Nghiêm nào có khác chi. Theo lý mà luận bác bỏ tuệ nghiệp Vô học của Nhị thừa để dẫn nhập vào Giải thoát bất khả tư nghị, khiến họ sinh vào Tịnh độ quả báo lại thành cái nhân cõi Phật thanh tịnh.

Hỏi: Thân Tử tức là trí tuệ dùng định mà bị chê trách, Mục-liên thiền định nói pháp mà bị chê trách... Ý này thế nào?

Đáp: Không phải thiền thì không có tuệ, không phải tuệ thì không có thiền. Viễn Sư có lời tựa trong Thiền kinh rằng: "Thiền mà không trí thì không thể đi sâu vào nơi yên tịch; trí mà không thiền thì không thể chiếu soi đến chỗ tận cùng". Ngài Thân Tử nếu có đi sâu vào thiền thì mới được đại trí, nếu thiền không xa thì trí cũng không lớn. Cho nên dùng chê trách để gồm được trí vậy. Đoạn văn sau có nói: Do hướng đến Phật tuệ mà khởi yên tọa, đã không nương vào Phật tuệ mà yên tọa, đủ ở bốn vinh mà chê bỏ là ý ở đây vậy. Nếu ngài Mục-liên thâm tu thiền định mà được thần thông, sao được có thần thông mà thuyết

pháp sai cơ. Nếu thuyết pháp đã nhầm thì phải biết định ấy cạn cợt. Dùng thần thông soi xét thì dụng cũng không sâu. Cho nên quở trách cách dùng Định là ý ở đây. Bát đại nhân giác như Pháp hoa đã chú sớ, nay chỉ lược nói thôi.